

Lớp 3



TÓM TẮT CÁC BƯỚC HỌC CÚ PHÁP để biết tự tạo ra và dùng đúng câu tiếng Việt

Nhiệm vụ học Tiếng Việt 3 là chiếm lĩnh CÚ PHÁP tiếng Việt.

Cú pháp là từ Hán Việt gồm hai phần, *cú* nghĩa là câu, còn *pháp* nghĩa là phép tắc – *cú pháp* là phép tắc tạo ra câu và dùng câu sao cho đúng.

Các bước việc làm diễn ra như sau:

Bước Zero: Ôn tập nội dung từ vựng lớp 2

Với HS không học sách Cánh Buồm thì đây là dịp đuổi bắt kịp các luật cấu tạo từ tiếng Việt. GV đừng tham “ôn tập” nhiều quá. Ôn trong vòng 2 đến 3 tuần là tạm đủ.

Bước 1: Từ loại tiếng Việt

Khi học từ ở lớp 2, HS biết được những cách tạo ra từ, và vốn từ vẫn còn như một mớ lộn xộn đủ loại.

Khi tiếp tục đi sâu vào chúng, sẽ thấy hiện tượng : TỪ

ĐỒNG ÂM KHÁC NGHĨA.

Việc phân biệt nghĩa của từ đồng âm sẽ thực hiện dễ dàng hơn cả khi HS dùng các từ đó trong một biểu đạt thành CÂU.

Nói cách khác, diễn đạt ý thành câu để phân biệt từ đồng âm khác nghĩa là phương tiện đơn giản hơn cả để tạo ra CÂU.

Toàn bộ công việc vẫn tuân thủ 3 thao tác đã học từ lớp 1: PHÁT ÂM, PHÂN TÍCH, GHI và DÙNG.

Sau khi tạo ra CÂU một cách tự nhiên (phát âm, như lời nói của ta hằng ngày) ta sẽ phân tích chúng và dùng chúng trong nói và viết.

Công việc phân tích sẽ diễn ra trước hết ở bình diện TỪ (phân biệt các loại từ) sau đó là phân tích trên bình diện Câu (cấu tạo và logic).

Bước 2: Câu nói

Sau khi đã dùng lời nói để phân biệt các loại từ tiếng Việt, nay đến lúc phân tích xem thế nào là một CÂU NÓI.

Ba yếu tố: *người nói* – *người nghe* – *thông tin* cần được nhận thức đầy đủ, đặc biệt quan tâm yếu tố thông tin, để luyện từ nhỏ hệ nói năng là có nội dung, tránh hiện tượng tạo ra những lời nói rỗng vì thiếu thông tin, hoặc lời nói lặp lại vì thông tin thừa không được quan tâm tiếp nhận nữa.

Bước 3: Cú pháp

Bây giờ là lúc “mặc” cho câu nói một cái vỏ, một cái áo, một “hình thức”, tạo cho nó một “đạo luật” về hình thức: lâu nay ta vẫn đặt nó vào một phạm vi rất rộng, *ngữ pháp*, mà lý ra đó chỉ là một bộ phận căn bản của “ngữ pháp” tức là CÚ PHÁP hoặc *phép tắc của câu*.

Trong phần *cú pháp* này, sách Cánh Buồm vẫn lấy kết cấu Chủ Ngữ – Vị Ngữ (C-V) làm nhân lõi.

HS sẽ học (1) Cấu tạo C-V, (2) Phần phụ + cấu tạo C-V, và (3) cấu tạo nhiều C, nhiều V, nhiều C-V...

Bước 4: Logic của câu

Một thí dụ về mâu thuẫn nảy sinh rất rõ, ấy là trong trò chơi “Chim bay cò bay”: Tất cả những cấu tạo C-V sau đều đúng cú pháp: *chim bay, cò bay, máy bay bay, bướm bay, chuồn chuồn bay, nhà bay, con bò bay...* nhưng tại sao lại phạt vì đã vẫy tay khi nghe *nhà bay, con bò bay?*

Từ trò chơi đó, HS phát hiện ra mặt logic của câu (mặt nội dung đúng – sai của câu).

Nhờ học logic của câu, HS sẽ chiếm lĩnh các cách biểu đạt với *Nếu... thì..., Nếu... thì... nhưng... do đó...* và nhiều công thức logic khác.

BÀI MỞ ĐẦU (BUƯỚC ZERO) ÔN TẬP VỀ TỪ TIẾNG VIỆT

(Từ trang 7 đến trang 14)

Cách thực hiện đơn giản nhất là dạy rút gọn nội dung sách Tiếng Việt 2 trong vòng 3 hoặc 4 tuần đầu năm lớp 3. GV tự soạn bài để thực hiện công việc ôn tập theo các mục sau đây (mỗi mục có thể dạy trong 1 tiết hoặc nhiều hơn):

- Mỗi mục trả lời một câu hỏi.
- Trả lời mỗi câu hỏi bằng những việc làm của HS chứ không qua lời GV giảng giải hoặc chỉ dùng lời lẽ HS tranh luận.
- Học xong HS tự sơ kết ghi vở bằng lời hoặc bằng hình vẽ.

Mục 1: Người đời xưa có nói được như chúng ta ngày nay không?

Các việc làm để HS tự tìm đến câu trả lời:

- Bắt chước dáng đi khom lưng như hình bộ xương người đời xưa. Theo dáng đó, thi nhau bắt chước người xưa (và tưởng tượng thêm) trong công việc đi nhặt quả chín rụng mà ăn, nhặt củi về sưởi, công con đi ra suối tắm mát...
- Bắt chước người xưa dùng công cụ lao động chỉ có thể ngồi mà làm để làm mấy việc sau: đập vỡ một quả để ăn (thay vì dùng dao cắt như ngày nay); ném chim, cá, thỏ, sóc... để lấy thức ăn; nướng chim, cá, thỏ... để ăn.
- Tưởng tượng cảnh người xưa rủ nhau ăn (ra hiệu mời hay nói lời mời lịch sự thanh nhã như ngày nay?); khuyên nhau không ăn vì đó là loài quả độc

ăn vào đầu bụng, có thể chết người... GV nghĩ ra nhiều cách “nói” bằng động tác cơ thể cho HS chơi. Chú ý cho HS cùng góp thêm sáng kiến.

Mục 2: Người đời xưa có những cách gì để NÓI với nhau ngay cả khi chưa có tiếng nói?

Các việc tổ chức cho HS làm và tự tìm câu trả lời:

- Nói với nhau bằng cách dùng điệu bộ tay chân và cả cơ thể để đánh tín hiệu. Đồ nhau tưởng tượng ra các tín hiệu đánh đi để báo tin: có cái ăn được ở chỗ này; có nhiều cá lắm, đến đây nhanh lên, tôi đang bị đau cứu tôi với...
- Tưởng tượng cách gửi tín hiệu khi ở xa nhau, không nhìn thấy cách dùng tín hiệu bằng cơ thể, điệu bộ. Thí dụ như báo tin: Tôi bị lạc, tôi đang không tìm được đường về, tôi đã bắt được con lợn to quá không mang về nổi... (Gợi ý: dùng tiếng động, dùng khói, dùng màu sắc...)
- Ban đêm, không nhìn thấy người khác ra tín hiệu bằng cơ thể, sẽ dùng loại tín hiệu kiểu gì để báo tin tức gì đó do các em nghĩ ra. (Gợi ý: dùng tiếng động mạnh, dùng ánh đuốc...)

Mục 3: Những ứng dụng tín hiệu để gửi tin tức thời nay

- Thi nhau tìm tín hiệu giao thông, giải thích ý nghĩa tín hiệu học của chúng.
- Thi nhau tìm tín hiệu bằng âm thanh trong đời sống hiện đại. (Gợi ý: nhạc hiệu ti vi, quốc ca, còi ô tô...)
- Thi nhau tìm tín hiệu bằng màu sắc trong đời sống hiện đại.

Mục 4: Người Việt Nam thời xưa khi bắt đầu có tiếng nói

- Trả lời: thế nào là một từ chỉ có một âm tiết. Chơi trò chơi ngồi thành vòng, mỗi em cho một thí dụ. Ai chậm bị phạt lò cò, sau đó phải nhắc lại thí dụ của bạn.
- Thi nhau tìm từ thuần Việt một âm tiết liên quan đến Ăn – Làm – Gia đình – Nhà ở – Đánh giá
- Thời nay có còn dùng những từ thuần Việt một âm tiết đó không? Trong 3 phút, thi nhau tìm và viết ra thật nhanh những từ thuần Việt 1 âm tiết.

Mục 5: Tìm từ ghép, từ láy

- Trả lời nói và cho 1 thí dụ: thế nào là một từ ghép phân nghĩa.
- Trong 3 phút, thi nhau tìm và viết ra thật nhanh những từ ghép phân nghĩa (GV đưa ra nhiều từ ghép thuần Việt 1 âm tiết trên bảng lớn để các em chọn tạo ra từ ghép phân nghĩa).
- Trả lời nói và cho 1 thí dụ: thế nào là một từ ghép hợp nghĩa.
- Trong 3 phút, thi nhau tìm và viết ra thật nhanh những từ ghép hợp nghĩa (GV đưa ra nhiều từ ghép thuần Việt 1 âm tiết trên bảng lớn để các em chọn tạo ra từ ghép hợp nghĩa).
- Trong 5 phút, thi nhau tìm và viết ra thật nhanh những từ láy (GV đưa ra nhiều từ 1 âm tiết trên bảng lớn để các em chọn tạo ra từ láy).

BÀI 1 (BƯỚC 1): TỪ LOẠI TIẾNG VIỆT

(Từ trang 15 đến trang 60)

Thật dễ dàng đối với bất kỳ GV nào trong việc phân biệt các loại từ tiếng Việt. Điều quan trọng ở đây là CÁCH TỔ CHỨC cho HS thực hiện bài học.

Sau đây là những gợi ý cách dạy từng mục, mỗi mục dạy trong nhiều tiết, gồm tiết mở đầu (khái niệm) và những tiết luyện tập.

1. Khái niệm TỪ LOẠI

GV bắt đầu với từ đồng âm khác nghĩa để cho HS thấy trong khi nói năng, có khi nhiều từ được phát ra nghe như nhau nhưng lại mang những nghĩa khác nhau.

Ngay trong trang sách 15 đã thấy ba hình vẽ với ba tiếng BÀN mang ba nghĩa khác nhau: em bé sút bóng ghi một BÀN, cái BÀN và mọi người họp lại BÀN công việc gì đó.

Với một vài bài tập nhanh, HS sẽ thấy ngay hiện tượng những từ phát ra giống nhau (từ Hán Việt gọi là ĐỒNG ÂM) nhưng nghĩa khác nhau.

GV cho HS diễn đạt lại bằng câu nói ngắn gọn để thấy rõ sự khác nghĩa đó.

Thí dụ:

- Con ruồi ĐẬU đĩa xôi ĐẬU → Con ruồi bay quanh một hồi rồi ĐẬU lại và bò đi bò lại trên đĩa xôi ĐẬU xanh hay ĐẬU đen...
- Con kiến BÒ đĩa thịt BÒ → Con kiến từ đâu leo lên bàn, leo vào mâm cơm, rồi nó BÒ lên đĩa thịt, thịt gì nhỉ, à, đĩa thịt BÒ.
- Con ngựa ĐÁ con ngựa ĐÁ → Ở đâu làng có ngựa bằng ĐÁ, bỗng có người dắt con ngựa thật đến buộc gần vào đó, con ngựa này tức giận cứ lấy chân ĐÁ vào con ngựa bằng ĐÁ kia.

Qua các thí dụ trên, HS phân loại ra:

Đồ vật, con vật, sự vật	Việc làm, hành động
(đĩa xôi) ĐẬU	(Con ruồi bay đến và) ĐẬU
(đĩa thịt) BÒ	(Con kiến leo lên và) BÒ
(con ngựa) ĐÁ	(Con ngựa lấy chân) ĐÁ

Trên bảng cho thấy 2 loại từ khác nhau cùng phát âm giống nhau. Vậy ta cần học về các loại từ. Các em sẽ học danh từ, động từ và tính từ.

2. Khái niệm DANH TỪ

Đầu tiên cho HS học danh từ. GV không được giảng giải “danh từ là...” mà phải để HS cùng nhau bằng việc làm mà tìm ra khái niệm danh từ. Có mấy cách làm như sau:

a. Cách dùng VẬT THẬT – Giáo viên viết trên bảng bằng viên phấn, giơ viên phấn ra, HS gọi tên PHẤN (viên phấn, cục phấn...); GV chỉ cái bảng, HS nói BẢNG (cái bảng); và cứ thế tiếp tục với GIẾ (giẻ lau, khăn lau), THUỐC (thuốc kẻ, thuốc gỗ...), BÚT...

- GV cho HS sơ kết: loại từ gọi TÊN các đồ vật.
- củng cố: cho HS cùng tham gia trò chơi gọi tên đồ vật có thật: một em giơ đôi giày, cả lớp gọi tên GIÀY (giày vải, dép nhựa, dép cao su, giày thể thao...).
- GV cho HS bổ sung về danh từ: chỉ những thứ nhìn thấy ở ngoài cổng trường và ở trong sân trường như cột cờ, lá cờ, cây bàng, cái trống, chó, gà, chim...
- GV cho HS bổ sung vào sơ kết: loại từ gọi TÊN các đồ vật, con vật...
- GV cho HS bổ sung về danh từ: kể tên các hiện

tượng thời tiết mà em biết...

- GV cho HS bổ sung vào sơ kết: loại từ gọi TÊN các đồ vật, con vật, hiện tượng trong đời sống...

b. Cách dùng câu đố để cùng đoán – Cô giáo làm mẫu sau đó cho HS bắt chước để trả lời câu hỏi: (ghi to lên bảng) *Cái gì? Con gì? Chuyện gì?*

- Em nhỏ em mặc áo xanh, em lớn bằng anh em mặc áo đỏ. (*Quả gì? Quả ớt*)
- Một đàn cò trắng phau phau, ăn no tắm mát rủ nhau đi nằm. (*Cái gì? Những cái gì? Những cái bát*)
- Một mẹ sinh ngàn vạn con, sớm ra chết hết chẳng còn một ai, còn một ông lão sống dai, nhăn nhăn nhó nhó chẳng ai muốn nhìn. (*Những thú gì? Trăng, sao, mặt trời*)

c. Cách cho HS đóng kịch câm, dùng điệu bộ để ra câu hỏi về *Cái gì? Con gì? Việc gì? Hiện tượng gì?* Cùng với cách này còn có thể cho HS sưu tầm ca dao, tục ngữ, câu đố về *đồ vật, con vật, sự vật*.

CHÚ Ý!

.....

**Trong từng tiết học,
GV cần cho HS NÓI (và viết) thành câu
để dùng đúng loại từ đang học.**

**Đó càng là cách rất thuận tiện để HS học mở rộng
danh từ sang danh ngữ.**

**GV không cần giảng giải mà HS vẫn hiểu rõ thế nào là danh ngữ
và cách cấu tạo danh ngữ.**

.....

3. Khái niệm ĐỘNG TỪ

Theo những điều bạn đã được huấn luyện cho tới đây, xin mời bạn làm bài tập:

- Bạn dự định dùng VẬT THẬT như thế nào để tổ chức cho HS học khái niệm động từ? Cho HS chơi trò *bắt chước* hoặc chơi *đóng kịch câm* có thuộc kiểu “vật thật” hay không?
- Trong câu đố này về con trâu, từ nào là động từ: *Bốn ông đập đất, một ông phát cỏ, một ông vơ cỏ, một ông bỏ phân*? Bạn có thể tìm thêm được những câu đố nào tương tự để dạy HS về động từ?
- Tự bạn thử đặt câu với động từ và động ngữ để tự tin khi tổ chức cho HS học về động từ và động ngữ.

4. Khái niệm TÍNH TỪ

Xin bạn coi lại những điều hướng dẫn về tổ chức cho HS học loại động từ.

Những lời hướng dẫn đó có dùng được cho tính từ không?

Bạn cho thí dụ đi!

ĐỐ BẠN

.....
Trong những từ ĐẸP sau, từ nào là danh từ:

Sút!... Vào!... Thật đẹp!

Cầu thủ đẹp, chân sút đẹp, trận bóng đẹp! Đẹp nhất thế giới!

Cái đẹp là báu vật của con người.

Cái đẹp không mất tiền mua, ai cũng thích cái đẹp.

Thật là một lời nói đẹp.
.....